

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công nhận phòng học bộ môn trường trung học đạt chuẩn quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Quyết định số 23/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công nhận phòng học bộ môn trường trung học đạt chuẩn quốc gia”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục trung học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Công nhận phòng học bộ môn trường trung học đạt chuẩn quốc gia

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BGDĐT
ngày 24/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Quy chế này quy định tiêu chuẩn và quy trình công nhận phòng học bộ môn đạt chuẩn quốc gia trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (gọi chung là trường trung học) công lập và ngoài công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Khái niệm về phòng học bộ môn.

- Phòng học bộ môn là phòng học được trang bị hệ thống thiết bị dạy học bộ môn và hệ thống các thiết bị nghe nhìn được lắp đặt phù hợp với bộ môn để giáo viên và học sinh sử dụng thuận lợi, đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Phòng thí nghiệm thực hành bộ môn được trang bị và sử dụng như phòng học bộ môn.

Chương II

TIÊU CHUẨN THỨ NHẤT: VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Điều 3. Phòng học bộ môn

- Phòng học bộ môn được thiết kế đúng tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Bàn ghế trong phòng phải là loại chuyên dụng phù hợp với lứa tuổi của từng cấp học và từng bộ môn, đủ về số lượng cho mỗi lớp học sinh. Có bảng viết theo quy định.
- Có nguồn điện ổn định, đủ ánh sáng cho học sinh học (đảm bảo tiêu chuẩn ánh sáng do Bộ Y tế quy định).
- Có thiết bị cấp nước đặt ở các vị trí khác nhau theo thiết kế đặc thù từng bộ môn. Phòng học bộ môn Hóa học cần có thêm tủ hút khí độc, có hệ thống xử lý hóa chất sau khi thực hành thí nghiệm.
- Mỗi phòng có hệ thống tủ tường cửa kính để đựng thiết bị dạy học dùng thường xuyên trong các giờ học.

5. Hệ thống nghe nhìn được lắp đặt trên bàn giáo viên và ở các vị trí thích hợp. Hình ảnh các nhà khoa học bộ môn được treo ở các vị trí trang trọng trong phòng học bộ môn.

6. Có hệ thống cửa sổ kính đảm bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông.

7. Có phòng chứa thiết bị và chuẩn bị thí nghiệm, thực hành ngay bên cạnh.

8. Có hệ thống xử lý nước thải đúng quy định về việc bảo vệ môi trường.

9. Có phương tiện chống ẩm, chống mối mọt, phòng cháy chữa cháy nổ. Từng bước trang bị máy điều hòa không khí, máy hút bụi, máy hút ẩm để việc bảo quản và sử dụng trang thiết bị tốt hơn.

Điều 4. Số phòng học bộ môn

1. Cách tính số phòng học bộ môn của từng môn học: tổng số tiết của môn học ở tất cả các khối, lớp trong tuần chia cho 30 (lấy tròn số).

$n = T : 30$ (n: số lượng phòng bộ môn, T: Tổng số tiết học/ tuần).

2. Các phòng học bộ môn:

Trong điều kiện hiện nay và 10 năm tới, các trường cần có các phòng học bộ môn.

- Vật lý, Hóa học, Sinh học.

- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật.

- Toán học, Tin học, Ngoại ngữ, Công nghệ.

- Phòng truyền thống, Nhà tập đa năng (Giáo dục thể chất), phòng Y tế học đường.

3. Phòng truyền thống. Nhà tập đa năng (Giáo dục thể chất), phòng Y tế học đường, các phòng này hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Diện tích tối thiểu các phòng học bộ môn:

- Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: từ 1,65 đến 1,80 m²/ học sinh (không kể diện tích chuẩn bị).

- Phòng học bộ môn các môn lý thuyết và ngoại ngữ: từ 1,45 đến 1,50 m²/ học sinh.

- Phòng học bộ môn tin học: từ 2,00 đến 2,50 m²/ học sinh.

- Phòng chuẩn bị: từ 16 đến 24m²/phòng.

Điều 5. Thiết bị dạy học

1. Phải đảm bảo đủ thiết bị dạy học cho từng môn học theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Có bản hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị chuyên dụng.
3. Ngoài các thiết bị dạy học quy định, hàng năm phải bổ sung thiết bị dạy học tự làm của giáo viên bộ môn và học sinh. Các trường có điều kiện có thể trang bị bổ sung thêm các bộ thiết bị ngoài định mức quy định theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương III

TIÊU CHUẨN THỨ HAI: VỀ NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH

Điều 6. Nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách

1. Cán bộ chuyên trách phòng học bộ môn có nhiệm vụ chuẩn bị thiết bị dạy học theo kế hoạch dạy học của trường, hướng dẫn và giúp học sinh sử dụng thiết bị.
2. Hàng tháng, cán bộ chuyên trách phòng học bộ môn có kế hoạch kiểm tra toàn bộ thiết bị trong phòng để bảo dưỡng.
3. Tất cả các danh mục thiết bị dạy học phải được vào sổ, mô tả, phân loại, sắp xếp có hệ thống theo chương trình môn học.
4. Mỗi năm cán bộ chuyên trách phòng học bộ môn phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ.
5. Giáo viên kiêm nhiệm cũng có nhiệm vụ và được bồi dưỡng về nghiệp vụ như cán bộ chuyên trách phòng học bộ môn.

Chương IV

TIÊU CHUẨN THỨ BA: VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Tổ chức

1. Hiệu trưởng nhà trường phân công một lãnh đạo trường trực tiếp phụ trách công tác thiết bị dạy học và chỉ đạo hoạt động của phòng học bộ môn.
2. Tổ trưởng chuyên môn là người trực tiếp theo dõi hoạt động của phòng học bộ môn và báo cáo với lãnh đạo trường.